Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 12.10.2026 15:15:35 +07:00

| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 44 /2026/TT-BNNMT | *Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2026* |

# THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2026/TT-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 70/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2017/QH14, Luật số 146/2025/QH15, Luật số 21/2026/QH16;*

*Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y và Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2026/TT-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung thứ tự số 4.1, thứ tự số 4.2, thứ tự số 4.3, thứ tự số 4.4 tại Phụ lục I Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

1. Sửa đổi, bổ sung thứ tự số 4.1 như sau:

a) Thay thế cụm từ "Thuốc thú y dược phẩm" tại cột "Tên sản phẩm/hàng hóa" của số thứ tự số 4.1 bằng cụm từ "Thuốc thú y dược phẩm (trừ thuốc thú y có chứa chất ma túy)";

b) Sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng tại thứ tự số 4.1 như sau: "Thuốc thú y dược phẩm lưu hành tại Việt Nam bảo đảm chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc thú y dựa trên kết quả kiểm nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: Áp dụng phương thức 1 quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN đối với sản phẩm sản xuất trong nước.

Thuốc thú y dược phẩm có Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam còn hiệu lực thì được miễn thực hiện công bố hợp quy; khi nhập khẩu không phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định".

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng tại thứ tự số 4.2 như sau: "Hóa chất dùng trong thú y bảo đảm chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc thú y dựa trên kết quả kiểm nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: Áp dụng phương thức 1 quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN đối với sản phẩm sản xuất trong nước.

Hóa chất dùng trong thú y có Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam còn hiệu lực thì được miễn thực hiện công bố hợp quy; khi nhập khẩu không phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định".

3. Sửa đổi, bổ sung thứ tự số 4.3 như sau:

a) Thay thế cụm từ "Vắc xin thú y" tại cột "Tên sản phẩm/hàng hóa" của số thứ tự số 4.3 bằng cụm từ "Vắc xin thú y (trừ vắc xin thú y nhược độc quy định tại thứ tự số 2.2 của Phụ lục II)";

b) Sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng tại thứ tự số 4.3 như sau: "Vắc xin thú y (trừ vắc xin thú y nhược độc quy định tại thứ tự số 2.2 của Phụ lục II) lưu hành tại Việt Nam bảo đảm chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc thú y dựa trên kết quả kiểm nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: Áp dụng phương thức 1 quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN đối với sản phẩm sản xuất trong nước.

Vắc xin thú y có Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam còn hiệu lực thì được miễn thực hiện công bố hợp quy; khi nhập khẩu không phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định".

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng tại thứ tự số 4.4 như sau: "Thuốc thú y khác bảo đảm chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuốc thú y dựa trên kết quả kiểm nghiệm

của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật.

Phương thức đánh giá sự phù hợp: Áp dụng phương thức 1 quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm sản xuất trong nước.

Sản phẩm có Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam còn hiệu lực thì được miễn thực hiện công bố hợp quy; khi nhập khẩu không phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định".

**Điều 2. Bổ sung thứ tự số 2 vào sau thứ tự số 1 tại Phụ lục II Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

| TT | Tên sản phẩm/hàng hóa | Mã HS | Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng | Yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng |
|---|---|---|---|---|
| **2** | **Thuốc thú y có chứa chất ma túy; Vắc xin thú y nhược độc** | | | |
| **2.1** | **Thuốc thú y có chứa chất ma túy** | 3004.90.49 | QCVN 01-187:2018/BNNPTNT | Thuốc thú y có chứa chất ma túy lưu hành tại Việt Nam bảo đảm chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc thú y dựa trên kết quả kiểm nghiệm của tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật.<br>Phương thức đánh giá sự phù hợp: Áp dụng phương thức 5 quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN đối với thuốc thú y có chứa chất ma túy sản xuất trong nước (Trường hợp sản phẩm được sản xuất tại cơ sở sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận GMP hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y còn hiệu lực thì không phải đánh giá quá trình sản xuất); |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | | Thuốc thú y có chứa chất ma túy có Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam còn hiệu lực thì được miễn thực hiện công bố hợp quy; khi nhập khẩu không phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định. |
| **2.2** | **Vắc xin thú y nhược độc** | 3002.42.00 | QCVN 01-187:2018/BNNPTNT | Vắc xin thú y nhược độc lưu hành tại Việt Nam bảo đảm chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc thú y dựa trên kết quả kiểm nghiệm của tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật.<br>Phương thức đánh giá sự phù hợp: Áp dụng phương thức 5 quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN đối với vắc xin thú y nhược độc sản xuất trong nước (Trường hợp vắc xin thú y nhược độc được sản xuất tại cơ sở sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận GMP còn hiệu lực thì không phải đánh giá quá trình sản xuất);<br>Vắc xin thú y nhược độc có Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam còn hiệu lực thì được miễn thực hiện công bố hợp quy; khi nhập khẩu không phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định. |
| 2.2.1 | Vắc xin thú y nhược độc phòng các bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật trên cạn phải công bố dịch | 3002.42.00 | | |
| 2.2.2 | Vắc xin thú y nhược độc phòng các bệnh thuộc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người | 3002.42.00 | | |

**Điều 3. Thay thế một số cụm từ của Thông tư 27/2026/TT-BNNMT**

1. Thay thế cụm từ "ngày 02 tháng 01 năm 2024" tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 27/2026/TT-BNNMT bằng cụm từ "ngày 02 tháng 02 năm 2024".

2. Thay thế cụm từ "đối với nguyên liệu sản xuất trong nước" bằng cụm từ "đối với sản phẩm sản xuất trong nước"; thay thế cụm từ "đối với nguyên liệu nhập khẩu" bằng cụm từ "đối với sản phẩm nhập khẩu" tại cột "Yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng" của thứ tự số 5.2. Thức ăn thủy sản (hỗn hợp, chất bổ sung, tươi sống) tại Phụ lục I.

3. Thay thế cụm từ "điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản" bằng cụm từ "điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản" tại cột "Yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng" của thứ tự số 6. Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản tại Phụ lục I.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày *09* tháng *10* năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

***Nơi nhận:***
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&MT;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, CNTY.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

**Võ Văn Hưng**